

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực lò dầu truyền nhiệt số 1 công suất 104.000 Kcal/giờ/lò.

- Nguồn số 02: Khí thải từ khu vực lò dầu truyền nhiệt số 2 công suất 104.000 Kcal/giờ/lò.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò dầu truyền nhiệt số 1.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Khí thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò dầu truyền nhiệt số 2.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tọa độ xả khí thải: X(m) = 2291772; Y(m) = 595245.

- Dòng khí thải số 02: Tọa độ xả khí thải: X(m) = 2291770; Y(m) = 595244.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng 45.000 m³/h.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng 45.000 m³/h.

2.4. Phương thức xả khí thải

Cường bức bằng quạt hút, xả gián đoạn trong ngày không theo chu kỳ.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1$) với các thông số cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C _{max}		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	180	03 tháng/lần (04 lần/năm)	Không thuộc đối
2	CO	mg/Nm ³	1000	900		

3	SO ₂	mg/Nm ³	500	450	theo đề nghị của Chủ dự án	tương phải thực hiện
4	NO _x	mg/Nm ³	850	765		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh tại mỗi khu vực lò dầu truyền nhiệt được đầu tư đồng bộ cùng dây chuyền sản xuất.

- Bụi khí thải phát sinh được thu gom bằng quạt hút và đường ống thu gom để vào hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải giống nhau, đồng bộ cùng lò dẫn dầu truyền nhiệt.

- Bụi, khí thải từ buồng đốt qua bộ thu hồi nhiệt vào Cyclone chum khử bụi nhiều ống gồm 20 bộ bằng sứ kích thước $\Phi 360$ /ống để lọc tro bụi. Khí thải tiếp tục đi qua hệ thống tháp hấp thụ màng nước; khí sạch được xả vào môi trường qua 01 ống thoát khí bằng inox đường kính D1500 mm cao 24 m (so với mặt đất).

- Quy trình công nghệ xử lý của 01 hệ thống xử lý khí thải như sau: Khí thải → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone chum → Tháp hấp thụ màng nước (pha xút hoặc nước vôi trong) → Ống khói cao 24 m (so với mặt đất) (Khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)) → Thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 45.000 m³/h/hệ thống.

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hóa chất sử dụng: NaOH/Ca(OH)₂ 3,6 tấn/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trong trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian,

Chủ dự án phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo không xả thải, gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng từ Quý III/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi khí thải lò dẫn dầu truyền nhiệt số 01.
- Hệ thống xử lý bụi khí thải lò dẫn dầu truyền nhiệt số 02.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 mẫu tại 02 lỗ kỹ thuật sau 02 hệ thống xử lý bụi khí thải lò dẫn dầu truyền nhiệt số 01 và số 02.

2.2.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các thông số

Như nêu tại mục 2.5 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 lần/ngày tại 02 lỗ kỹ thuật trên thân 02 ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò dẫn dầu truyền nhiệt số 01 và số 02 trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Nam Định, Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông, UBND huyện Nghĩa Hưng trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.5 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý hơi mùi, khí thải.

- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý hơi mùi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.5 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả hơi mùi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN để xử lý./.